

Số: 1025 /NĐCP-KHĐTVT

Cẩm Phả, ngày 09 tháng 5 năm 2024.

V/v báo giá thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dự án đầu tư
thay thế thang máy lò hơi số 2 và số 4

Kính gửi: Quý Công ty và các nhà cung cấp có quan tâm.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (CĐT) xin gửi Quý đơn vị lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ nhu cầu lập dự án “Dự án đầu tư thay thế thang máy lò hơi số 2 và số 4 của Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả”.

Sau khi xem xét, cùng với việc tổ chức đánh giá các yêu cầu kỹ thuật vật tư, thiết bị sau đầu tư thay thế phải đảm bảo tính tương thích đối với hệ thống hiện hữu của NMNĐ Cẩm Phả và đáp ứng mục tiêu đầu tư của dự án, CĐT kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm và chào lại giá chi phí vật tư, thiết bị của dự án như sau:

1. Tên hàng hóa, dịch vụ kỹ thuật: như phụ lục số 01 đính kèm.

Nhà thầu có thể chào giá giải pháp thay thế hoặc chào giá thiết bị tương đương. Các thông tin bổ sung để lập báo giá như mô tả tại phụ lục số 02 kèm theo.

2. Yêu cầu báo giá:

+ Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Báo giá phải ghi rõ ràng, đầy đủ thông tin như: tên thiết bị, thông số kỹ thuật, mã hiệu sản phẩm, hãng sản xuất, xuất xứ, các điều kiện thương mại, vận chuyển, lắp đặt, cài đặt, tích hợp hệ thống, bảo hành, hỗ trợ bảo trì, thuế và các loại phí đi kèm (nếu có) và có kèm theo các tài liệu chứng nhận quan hệ đối tác với Nhà sản xuất thiết bị (giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương)

Lưu ý: Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu, trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp (có email kèm theo) tại:

+ Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư – Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

+ Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, P. Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh.

+ Điện thoại: 02033 731 030

+ Email: Campha.dtk@gmail.com

+ Cán bộ phụ trách nghiệp vụ: Nguyễn Việt Dũng, điện thoại: 0382150793

+ Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Lương Quang Minh, điện thoại: 0988514983

+ Thời gian nhận báo giá chậm nhất trước **16:30 ngày 13/5/2024**.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Giám đốc (Ecopy, b/c);
- Phòng KTAT (Ecopy);
- Lưu VT, P.KHĐTVT, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân



Phụ lục số 01: Yêu cầu báo giá
Dự án đầu tư thay thế thang máy lò hơi số 2 và số 4
(Đính kèm công văn số 1025 /NĐCP-KHĐTĐVT ngày 09 / 5 /2024)

Stt	Hạng mục đầu tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
I	Hàng hóa (thiết bị, vật tư...)				
1	Thang máy chở người dùng trong công nghiệp loại thang có phòng máy được lắp đặt hoàn thiện các hệ thống phụ trợ (hệ thống cứu hộ tự động; điều hòa cabin và buồng máy; hệ thống báo cháy báo riêng của thang máy và báo về tủ nguồn trung tâm; hệ thống camera giám sát kết nối về Tổng; hệ thống rút nước đọng tại hố PIT; mái che; khung bao che dọc toàn tuyến thang bằng inox sọc nhuyền 304)	Tải trọng: 1000kg - 1100kg Tốc độ: từ 1,5 m/s - 2 m/s Số điểm dừng (số tầng): 8 tầng Hố thang: 2025 (rộng) x 2050 (sâu) Cửa thang: 900 (rộng) x 2100 (cao) – mở tâm Hố PIT: từ 1550mm - 1800mm Khoảng vượt (OH) 4300mm Cửa chống cháy E120 Trang trí nội thất bằng Inox sọc nhuyền bạc 304	Hệ thống	02	- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng : ISO 9001, ISO 14001 - Tiêu chuẩn EN81-20:2014, EN8 - 50:2014.
II	Dịch vụ kỹ thuật thay thế, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Kiểm định KTAT sau khi đầu tư		Gói	01	

Quang

Phụ lục số 02: Mô tả thông tin bổ sung
Dự án đầu tư thay thế thang máy lò hơi số 2 và số 4
(Đính kèm công văn số: 1025/NĐCP-KHĐTVT ngày 09/5/2024)

1. Thông số kỹ thuật và hiện trạng hệ thống thang máy lò hơi số 2, số 4 hiện hữu.

Hãng sản xuất: KONE PHÂN LAN

1. Công dụng của thang máy: nâng chở người.
2. Trọng tải của thang máy: 1050 kg.
3. Vận tốc định mức của thang máy: 105m/ph.
4. Vận tốc di chuyển cabin trước khi ngừng: =0m/s.
5. Cường độ làm việc tối đa: 40%.
6. Số lượng tối đa mở thang máy trong một giờ: 180 lần/giờ.
7. Số giờ làm việc trong một ngày: 24/24.
8. Vị trí bố trí giếng thang: Trong nhà.
9. Tên của các tầng mà thang máy phục vụ: 1F, 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F, 8F.
10. Vật liệu bao che giếng thang: Khung thép che tôn.
11. Kết cấu và vật liệu bao che cabin: Sus 304.
12. Kết cấu của các cửa giếng thang, cửa cabin và loại dẫn động của chúng:
Cửa tự động đóng mở về hai phía.
13. Cấu tạo của sàn cabin: di động.
14. Số lượng khóa tự động ở mỗi cửa giếng thang: 01.
15. Số lượng tiếp điểm ở mỗi cửa giếng thang: 01.
16. Số lượng tiếp điểm ở cửa cabin: 01.
17. Đặc tính của tời: Hộp trục vít, puly dẫn cáp, phanh điện từ thường đóng.
18. Mô men làm việc của tời ở trục cuối: 98kg/m3.
19. Tỷ số truyền của hộp số: không có hộp số.
20. Đường kính của tang hoặc puly dẫn cáp: 400mm.
21. Đường kính của puly hướng cáp: 320mm.
22. Vị trí buồng máy: Trên đỉnh hồ thang.
23. Loại hãm bảo hiểm cabin và đối trọng: Phanh gấp.
24. Phương pháp đưa hãm bảo hiểm và tác động: Thông qua thiết bị khống chế vận tốc.
25. Quãng đường cabin đi được từ hãm nó bằng hãm bảo hiểm, hãm êm:
26. Tối đa: 80mm.
27. Tối thiểu: 20mm.
28. Loại cữ chặn hoặc giảm sóc: Giảm sóc bằng thủy lực.
29. Loại dẫn động: Dẫn động điện.
30. Loại dòng điện và điện áp.

Mạng điện	Loại dòng điện	Điện áp V
Động lực	AC- 3 phase	380
Điều khiển	AC-DC	220-24-12
Tín hiệu	DC	24-12
Chiếu sáng làm việc	AC	220
Chiếu sáng sửa chữa	AC	220

31. Đặc tính của dẫn động điện của thang máy: Động cơ vô cấp điều khiển theo hệ VVVF.

32. Đặc tính của động cơ điện:

Thông số	Động cơ điện công tắc	Động cơ điện để di chuyển chậm
Công suất (Kw)	11,5	
Tần số quay (v/ph)	139	
Nhà máy chế tạo	Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	

33. Hệ thống điều khiển thang máy: Điều khiển theo hệ vi xử lý.

34. Phương pháp ngừng tự động cabin ở các tầng: Bảng thiết bị cảm ứng.

35. Đặc tính của cáp:

Công dụng của dây cáp	Số dây cáp	Chiều dài của dây kể cả đoạn cáp để cố định (m)	Cấu tạo của cáp	Đường kính cáp (mm)	Giới hạn bền của sợi cáp (kg/mm ²)	Lực kéo đứt toàn bộ dây cáp (kg)	Hệ số dự trữ
Cáp treo cabin và đối trọng	06	49	6x19	Ø8	72	33500	>12
Cáp không chế vận tốc cabin	01	99	6x19	Ø8	78	46600	>12
Cáp không chế vận tốc đối trọng							

36. Nhiệt độ cho phép ở phòng máy và trong giếng. Tối đa +40 °C - Tối thiểu +5 °C

37. Hệ thống cứu hộ tự động: Có.

38. Môi trường mà thang máy có thể làm việc được: Khô ráo tránh ẩm ướt và các chất dễ cháy nổ.

39. Đặc tính của ray dẫn hướng: Ray chữ T chuyên dụng

- Cho cabin: T89.

- Cho đối trọng: T78

2. Giải pháp kỹ thuật lựa chọn:

Thay thế bằng thiết bị hiện hữu hoặc tương đương (có kèm theo bản vẽ lắp đặt thang máy hiện hữu)

3. Dịch vụ kỹ thuật thay thế, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (bao gồm nhưng không hạn chế):

3.1. Tháo dỡ:

- Tháo dỡ máy kéo Kone-Minispac và hệ thống Chassy chạy đà.
- Tháo dỡ hệ thống tủ điều khiển thang máy.
- Tháo dỡ hệ thống điều hoà phòng máy thang máy.
- Tháo dỡ hệ thống thiết bị an toàn (Governor).
- Tháo dỡ hệ thống cáp tải và xích bù.
- Tháo dỡ hệ thống ray dẫn hướng cabin và đối trọng.
- Tháo dỡ hệ thống điện dọc hố thang máy kết hợp vệ sinh dọc hố.
- Tháo dỡ hệ thống cửa cabin.
- Tháo dỡ hệ thống vách cabin, button cabin và button tầng.
- Tháo dỡ hệ thống khung trên, khung dưới, thanh ngang đối trọng.
- Tháo dỡ hệ thống cửa tầng và các bộ truyền động cửa tầng kết hợp làm rào chắn an toàn tại các cửa tầng.
- Tháo dỡ hệ thống khung trên, khung dưới, thanh ngang cabin.

3.2. Cài tạo, lắp đặt, hiệu chỉnh hệ thống mới

- Lắp đặt dàn ray cabin, đối trọng đầu tiên kết hợp khung cabin và dàn thao tác.
- Lắp đặt hệ thống thiết bị an toàn (Governor).
- Lắp đặt hệ thống ray cabin và đối trọng dọc hố thang từ dưới lên.
- Lắp đặt hệ thống Chassy chạy đà và máy kéo.
- Lắp đặt hệ thống đối trọng.
- Lắp đặt hệ thống cáp tải của thang máy.
- Lắp đặt hệ thống cửa các tầng từ trên xuống.
- Hiệu chỉnh hệ thống Puly chuyển hướng phù hợp.
- Căn chỉnh lại độ thẳng đứng của khung cabin.
- Lắp đặt hệ thống vách, button và cửa cabin.
- Lắp đặt tủ điều khiển thang máy.
- Hiệu chỉnh nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị.
- Lắp đặt hệ thống điện điều khiển dọc hố thang.
- Lắp đặt hệ thống xích bù tải.
- Lắp đặt hệ thống điện cabin và làm kín.
- Lắp đặt điều hoà phòng điều khiển điều hoà cabin.
- Lắp đặt điện thoại liên lạc.
- Test hiệu chỉnh nghiệm thu, chạy thử liên động không tải và có tải thang máy.

- Lắp đặt hệ thống Camera hoàn thiện, kết nối vào hệ thống camera của nhà máy:
- + Kéo cáp quang 8Fo từ phòng điều khiển thang máy đến nhà điều khiển trung tâm L=500m, kéo cáp mạng lan Cat 6 từ phòng điều khiển thang máy vào cabin thang máy
- + Lắp đặt hộp ODF, tủ lắp đặt và đấu nối cáp quang, điện nguồn hoàn thiện
- + Lắp đặt Camera trong cabin thang máy và kết nối hoàn thiện với hệ thống camera nhà máy đưa lên hình giám sát thang máy.
- Làm kín phòng điều khiển thang máy bằng tôn lạnh hoa sen dày 4mm, làm kín 8 cửa tầng thang máy bằng tôn 1,5mm, làm kín hố pit thang máy tránh nước mưa vào bằng cách đổ bê tông tạo bờ làm kín hố:
- + Ghép cốt pha đổ bê tông hố pit để tạo vị trí lắp máy bơm chìm và thi công đường thoát nước.
- + Đổ bê tông quanh chân cầu thang máy ngăn không cho nước vào.
- + Làm kín các góc cửa từ tầng 1 đến tầng 8 bằng tôn mạ kẽm dày 1,2mm và V40x40x4 làm xương tại các vị trí thấp.
- + Cắt gia công, lắp đặt các thanh V làm gân tăng cứng phục vụ bắn tôn làm kín phòng máy. Tổng = 12m V50x50x5 = 45,24 (Kg)
- + Bắn tôn lạnh xung quanh phòng điện máy tổng 42,3 (m²).
- + Dùng keo silicon làm kín toàn bộ các khe tôn mới bắn.
- Bắn mái tôn che mưa trên đỉnh thang.
- Lắp đặt hệ thống bơm rút nước đọng tại hố PIT.
- Vẽ các loại sơ đồ hoàn công, lập hồ sơ lý lịch thang máy (bản vẽ nối dây và các bộ phận tủ điều khiển - sơ đồ liên động nối dây và liên động của hệ thống điện điều khiển dọc hố thang).
- Tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy sau khi thay thế thang máy.

